

QUAN ĐIỂM CỦA HENRI BERGSON VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN

TRỊNH THỊ HẰNG*

Henri Bergson là đại diện tiêu biểu của thuyết trực giác và triết học đời sống. Một trong những công trình có vai trò mở đường, đặt nền móng cho sự phát triển của triết học Henri Bergson – triết học về trực giác là tác phẩm Matière et mémoire (Vật chất - ký ức); trong đó, ông đề cập tới vấn đề tranh luận muôn thuở của triết học: vật chất - tinh thần và mối quan hệ giữa chúng. Tinh thần dưới góc nhìn của Bergson rất năng động và có sức mạnh tiềm ẩn; là một năng lực có thể tự lấy ở mình ra nhiều hơn là mình mang sẵn, có thể phân phát nhiều hơn là đã tiếp nhận, cung cấp nhiều hơn là cái mình có sẵn. Ông thổi phồng, tuyệt đối hóa ý thức, năng lực tinh thần của con người; xem tinh thần có sức mạnh lấn nhập vào vật chất, bắt nó mưu lợi cho mình; đồng thời, ông nhìn nhận vai trò vật chất khá mờ nhạt, vật chất là bất động.

Từ khóa: vật chất, tinh thần, ký ức, quan hệ giữa vật chất - tinh thần, triết học Henri Bergson

Nhận bài ngày: 01/01/2024; *đưa vào biên tập:* 02/01/2024; *phản biện:* 05/01/2024; *duyet đăng:* 14/02/2024

1. DẪN NHẬP

Henri Bergson được nước Pháp và Châu Âu biết đến như một trong những nhà tư tưởng kiệt xuất của thời đại, là đại biểu quan trọng nhất và độc đáo nhất của trào lưu triết học đời sống. Học thuyết triết học của ông đã đặt nền, gợi mở cho nhiều lý thuyết, khuynh hướng triết học

phương Tây hiện đại sau này, đặc biệt là hiện tượng luận và chủ nghĩa hiện sinh; phương pháp Bergson ảnh hưởng trực tiếp đến văn học nghệ thuật, đến sân khấu và điện ảnh. Nét đặc sắc của Bergson là biết dùng hình thức văn chương lôi cuốn để thể hiện khuynh hướng triết học “mốt” nhất - khuynh hướng phi lý tính. Chủ nghĩa Bergson dọn đường cho sự xuất hiện hàng loạt trào lưu phi duy lý và trở thành mảnh đất phát sinh và phát

* Ban Dân vận Huyện ủy Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

triển của nhiều trào lưu triết học hiện đại.

Lý do sâu xa Henri Bergson xuất bản cuốn sách *Matière et mémoire* vào năm 1896 là để đề cập tới vấn đề tranh luận muôn thuở của triết học: vật chất - tinh thần và mối quan hệ giữa chúng. Nghiên cứu mối quan hệ này, ông luôn giữ quan điểm nhị nguyên luận khi cho rằng tinh thần là có thực, vật chất là có thực; bảo tồn tính nhị nguyên của cả hai bản thể: vật chất, tinh thần; đặt cả hai ngang hàng nhau, xem đó là hai sự triển khai song đối và nó sẽ phủ nhận ảnh hưởng tương hỗ của đôi bên với nhau. Song, ông loại bỏ thuyết duy vật vì nó quả quyết cho thể thứ nhất (vật chất) chuyển hóa sang thể thứ hai (tinh thần). Ông cũng không chấp nhận thuyết duy tâm vì nó muốn rằng hạn từ thứ hai (tinh thần) là một sự tạo dựng ra hạn từ thứ nhất (vật chất). Trong hai lý thuyết ấy, thuyết thứ nhất gán cho thân xác và thuyết thứ hai gán cho tinh thần một tài năng sáng tạo thực sự. “Chống lại hai lý thuyết ấy, chúng tôi viện ra cùng một bằng chứng, bằng chứng của ý thức, vì ý thức cho chúng ta thấy thân xác chúng ta là một hình ảnh như các hình ảnh khác và giác tính của chúng ta là một khả năng chia tách, phân biệt và đối lập một cách hợp logic nhưng không phải là một khả năng sáng tạo hay tạo dựng” (Bergson, 1896: 275-276).

2. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng triết học của Henri Bergson về vật chất và tinh thần

Trong quan niệm về vật chất, Henri Bergson (1896: 25) có hai định nghĩa: “Tôi gọi vật chất là toàn thể những hình ảnh và tri giác về vật chất là chính những hình ảnh ấy được dẫn chiếu tới hành động khả hữu của một hình ảnh xác định nào đó: thân xác tôi”.

Ở khái niệm thứ nhất Bergson đã chỉ rõ: “vật chất là toàn thể những hình ảnh”. Phạm trù “*hình ảnh*” Bergson đề cập ở đây là *một hình ảnh tồn tại tại tự thân* [exist en soi]. Henri Bergson (1896: 25) cho rằng “Chúng ta chỉ nắm được đối vật dưới hình thức hình ảnh, cho nên chúng ta phải đặt vấn đề dựa theo hình ảnh và chỉ dựa theo hình ảnh mà thôi”.

Để làm rõ hơn phạm trù vật chất ông đưa ra khái niệm *thân xác* (khi thì ông dùng khái niệm *thể xác*). *Thân xác* là hình ảnh, *thân xác* cũng là vật chất. “Nói thân xác tôi là vật chất hay nói nó là hình ảnh, danh từ nào cũng thế, tôi cho là không quan trọng mấy; thân xác tôi trong toàn thể thế giới vật chất là một hình ảnh tác động như các hình ảnh khác, tiếp nhận và hoán lại sự chuyển động” (Bergson, 1896: 112). Thân xác không thể tích trữ các hình ảnh vì nó là bộ phận của các hình ảnh.

Ở khái niệm thứ hai “tri giác về vật chất là chính những hình ảnh ấy được dẫn chiếu tới hành động khả hữu của một hình ảnh xác định nào đó: thân xác tôi”. Nói cách khác, tri giác về vật chất được thực hiện thông qua thân xác con người. Nghĩa là, hình ảnh được thân xác con người tri giác đều

là vật chất; “Kích thích, hình thể, ngay cả màu sắc của ngoại vật đều biến đổi tùy theo thân xác tôi đến gần hay cách xa chúng... đối vật cũng như một tấm gương, chúng phản chiếu lại nơi thân xác tôi các ảnh hưởng lâm thời mà thân xác tôi gây ra nơi chúng. Chúng được bố trí tùy theo thể lực của thân xác tôi tăng thêm hay giảm bớt” (Bergson, 1896: 23). Chúng ta chỉ nắm được sự vật dưới hình thức hình ảnh, cho nên chúng ta phải đặt vấn đề dựa theo hình ảnh và chỉ dựa theo hình ảnh mà thôi.

Như vậy, định nghĩa *vật chất* của Henri Bergson thể hiện nội dung cơ bản là: (1) Vật chất - là toàn thể những hình ảnh, thế giới vật chất là tập hợp những hình ảnh. Những hình ảnh được gọi là vật chất, tôi có biểu tượng về nó; (2) Vật chất - được tri giác (biết) và dẫn chiếu tới thân xác.

Định nghĩa về *vật chất* cho thấy, Bergson thừa nhận con người có khả năng nhận thức được thế giới thông qua tri giác của mình; chống lại thuyết *bất khả tri*. Tuy nhiên, ông không thấy được tính khách quan, phong phú, đa dạng của thế giới vật chất. Dưới góc nhìn của Bergson, vật chất chỉ tồn tại dưới dạng hình ảnh. “Henri Bergson đã coi cuộc sống như một chuyển động không thể chia cắt trong đó sự vật là hình ảnh. Với khái niệm về hình ảnh, Bergson đã cố gắng xây dựng từ nhận thức của chúng ta về thế giới” (Hussenot, 2022: 78).

Bàn về tinh thần, Henri Bergson (1919: 12-13) cho rằng: “Tinh thần trước hết

có nghĩa là ý thức. Ý thức trước hết là ký ức, nếu không có ký ức thì sẽ không có ý thức”. Bergson phân biệt hai hình thức ký ức: một ký ức - thói quen (học thuộc lòng) và một ký ức - hồi tưởng. Trong loại thứ hai, ngoài việc “nhớ lại” thuần túy còn có cả tưởng tượng, suy tưởng, phát ngôn - những năng lực thuần túy tinh thần.

Ký ức (ý thức) là một khả năng hoàn toàn biệt lập với vật chất. Nó rất năng động, có khả năng vượt qua sự kiểm soát của thân xác (thể xác): “Thể xác chúng ta nó sẽ tiến lên khi được nẩy và thụt lùi khi bị kéo lại. Nó có thể nâng lên hay hạ xuống tùy theo lực. Trái lại tinh thần thì vượt qua sự kiểm soát ấy. Nó là cái tôi vượt ra ngoài thể xác về mọi mặt, vượt ra không gian cũng như thời gian” (Bergson, 1919: 45).

“Nó (tinh thần) nắm giữ quá khứ cuộn cho quá khứ tiếp tục dày thêm theo bước thời gian và với quá khứ chuẩn bị một tương lai mà ý thức sẽ góp phần sáng tạo ra. Vai trò của ý thức luôn luôn sáng tạo ra một cái gì mới mẻ cho thế giới. Phải, ý thức sáng tạo ra cái mới ngoài nó, vì nó gây ra trong không gian những chuyển động bất ngờ, không thể đoán trước được. Ý thức cũng sáng tạo ra cái mới ngay trong chính nó... Cái tạo ra những hành động bằng cách tự cải tạo chính mình ấy, là bản ngã, là linh hồn, là tinh thần” (Bergson, 1919: 45).

Henri Bergson (1919: 23) cũng nói rằng: “Ý thức là cái nét gạch nối cái đã qua với cái sắp đến, cái cầu bất nhịp

giữa quá khứ và tương lai”. Nói rõ hơn, ý thức là chiếc cầu bắt nhịp quá khứ và tương lai. Như vậy, ý thức cũng chính là thời gian, nhưng không phải là thời gian bị đứt đoạn mà là thời gian trong độ dài (*durée du temps*).

Tinh thần dưới góc nhìn của Henri Bergson có sự đồng điệu với tư tưởng triết gia duy tâm Parmenides thời Hy Lạp cổ đại, cho rằng *tinh thần* khiến cho *vật chất* chuyển vận và sinh hóa. *Tinh thần* sáng tạo để có muôn vàn những giá trị *vật chất*. Và do đó, Bergson đã không nhìn thấy được *tinh thần*, *ý thức* là của con người mà con người là một thực thể xã hội năng động, sáng tạo. *Tinh thần*, *ý thức* là kết quả hoạt động chủ quan của con người; nhưng ý thức phản ánh thế giới khách quan trong quá trình con người tác động cải tạo thế giới. Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc người một cách năng động, sáng tạo. Do đó, tư tưởng Bergson mang yếu tố duy tâm khi nhìn nhận về ý thức, tinh thần.

2.2. Tư tưởng triết học của Henri Bergson về mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần

- Trước hết, trong mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần, Henri Bergson cho rằng *tinh thần* (linh hồn) có một sức mạnh lấn nhập vào vật chất, bắt nó mưu lợi cho mình.

Sức mạnh tinh thần thể hiện ở chỗ “Nó đang cố gắng giải thoát bản thân khỏi những rắc rối, cố gắng tự vượt, cố gắng đem lại trước hết những gì nó có và rồi ra nhiều hơn nữa những gì

nó có” (Bergson, 1919: 23); và “Ý thức sáng tạo lướt qua vật chất, cố gắng bằng nhiều mưu lược và sáng kiến”; hơn thế nữa “Thủ đoạn của ý thức là xoay trở định luật bảo toàn năng lượng bằng cách bắt vật chất sản xuất ra càng ngày càng nhiều những chất nổ, càng ngày càng hữu ích cho mình” (Bergson, 1919).

Ý thức nhập vào vật chất bằng cách thu nhỏ hẳn mình lại và “Khi đã nhập rồi, nó sẽ bành trướng lên, sẽ mở rộng phạm vi của mình và cuối cùng sẽ chiếm đoạt cả” (Bergson, 1919: 23).

Nói tới vai trò của ý thức thực chất là nói tới vai trò của con người, bởi vì ý thức là ý thức của con người. Việc khẳng định ý thức có sức mạnh lấn nhập vào vật chất, bắt nó mưu lợi cho mình (*tinh thần*) đã thể hiện chủ nghĩa duy tâm Bergson tuyệt đối hóa năng lực tinh thần, tuyệt đối hóa yếu tố chủ quan; vì thế đi đến thái quá, phiến diện, nâng ý thức, siêu thức đóng vai trò khởi nguyên sự sống. Ở góc độ này, chúng ta thấy bóng dáng tư tưởng của nhà triết học F. Nietzsche (1844 - 1900) khi ông đảo lộn mọi giá trị, kích thích con người tự vươn lên, đã đưa đến sự xuất hiện của *Siêu nhân* (Uebermensch) – con người siêu đẳng ở trên con người hiện tại^(*).

- Tiếp đến, trong mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần Henri Bergson cho rằng *vật chất* là một vật kích thích, thử thách sức lực tinh thần.

Mặc dù cho rằng tinh thần rất năng động, sáng tạo, vượt trước và thâm nhập vào vật chất, bắt nó mưu lợi cho

tinh thần, Bergson nhận định, vật chất đóng vai trò là vật để *phân chia và minh xác*; là vật kích thích để thử thách sức lực tinh thần. Bởi lẽ “ý tưởng là một cái gì liên tục, mà trong tất cả những gì liên tục đều có *hỗn độn*. Muốn trở nên phân minh, tư tưởng phải phân tán thành từ ngữ... “Vật chất cho phép phân biệt và tháo gỡ những khuynh hướng trước kia lẫn lộn trong đà tiến sơ khởi của cuộc sống thành những cá thể và sau cùng thành những nhân vị. Đàng khác, nhờ vật chất mới có sự cố gắng” (Bergson, 1919: 381).

Điều đó có nghĩa là, một tư tưởng chỉ là tư tưởng; khi thực hiện tư tưởng đòi hỏi phải có sự cố gắng. “Cố gắng là khó nhọc nhưng cố gắng cũng quý hóa bằng và có lẽ là quý hóa hơn tác phẩm, vì nhờ đó, người ta lấy được ở chính mình ra nhiều hơn là người ta có, người ta đã vượt quá tầm của mình. Cố gắng không thể có được nếu không có vật chất” (Bergson, 1919: 35).

Tinh thần cố gắng, nỗ lực nhưng không thể có được kết quả nếu không có vật chất; vật chất kháng cự lại hoặc ngoan ngoãn tuân theo tinh thần mới tạo được một sự trở ngại hoặc sự kích thích để tác động trở lại tinh thần, đòi hỏi nó phải tăng cường hơn, mạnh hơn.

Dưới góc nhìn này, Bergson nhìn thấy vai trò của vật chất (thể xác) tác động trở lại tinh thần ở dạng kích thích hoặc kìm hãm nó. Đây là góc nhìn khá mờ nhạt về vai trò của vật chất. Góc nhìn

này của Bergson trái ngược quan điểm duy vật biện chứng mácxít về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

- *Bên cạnh đó, trong mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần, Henri Bergson cho rằng giữa vật chất và tinh thần có mối quan hệ phụ thuộc.*

Sự phụ thuộc này thể hiện ở chỗ “Tinh thần mượn của vật chất các tri giác để tìm ra thức ăn nuôi mình và nó trả lại cho vật chất các tri giác ấy dưới hình thức vận động có mang dấu vết tự do của nó” (Bergson, 1896: 381).

Henri Bergson sử dụng các phạm trù rất hình ảnh là “mượn” và “nuôi” để diễn tả mối quan hệ này. Theo đó, *mượn* ở đây được hiểu là nhờ, dựa vào cái không phải của mình để dùng và *nuôi* nghĩa là cho ăn uống, chăm sóc để cho tồn tại, cho phát triển. Vậy *tinh thần mượn của vật chất* đồng nghĩa với việc tinh thần dựa vào vật chất để nuôi dưỡng, phát triển mình; cái mà *vật chất cho tinh thần mượn* chính là các *tri giác* - “Tri giác trước hết có nghĩa là biết và không có tri giác nào là không thấm đầy hồi ức”. Khi hệ thống thần kinh càng trở nên phức tạp hơn thì tri giác càng làm cho sự lay động được tiếp nhận trong mối quan hệ với một số cơ chế vận động nhiều hơn và nhờ thế phát ra được nhiều hơn những hành động khả hữu. “Mọi tri giác đều lấp đầy khoảng thời gian nhất định, nối dài quá khứ vào hiện tại và do đó, dự phần vào ký ức. Lúc đó, nhìn tri giác dưới hình thức cụ thể của nó, nhìn nó như là một cái tổng hợp hồi ức thuần

túy và tri giác thuần túy, nghĩa là tổng hợp tinh thần và vật chất” (Bergson, 1896: 372).

Vậy *tinh thần* trả lại cho *vật chất* thứ gì? Đó là trả lại cho vật chất các tri giác ấy dưới hình thức vận động có mang dấu vết tự do của nó (tinh thần). “Chúng ta hãy xem ý thức chúng ta xử trí cách nào trước vật chất nó tri giác, chỉ trong một khoảnh khắc ý thức bao quát được hàng triệu kích động, những kích động kế tiếp đối với vật chất vô cơ, và cái đầu tiên đối với cái cuối cùng được coi như là một quá khứ vô cùng xa xăm, nếu vật chất nhớ được” (Bergson, 1919: 26).

Bergson đã nhìn thấy sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa vật chất và ý thức. Từ góc nhìn này, Bergson đã có sự mâu thuẫn trong tư tưởng của mình khi ông khẳng định vật chất là có thực, tinh thần là có thực; hai yếu tố này tồn tại song đối và phủ nhận ảnh hưởng tương hỗ của đôi bên với nhau. Nhưng ở góc khác, ông nhìn thấy sự thống nhất, phụ thuộc nhau giữa vật chất, tinh thần. Cách lý giải của Bergson về vấn đề vật chất - tinh thần và mối quan hệ của chúng mặc dù cố gắng theo hướng nhị nguyên luận thừa nhận tồn tại độc lập giữa vật chất - tinh thần; tuy nhiên, cũng thể hiện khá rõ nét lập trường duy tâm, chủ quan.

Mối quan hệ vật chất - tinh thần trong tư tưởng triết học Henri Bergson đã đi đến một hệ luận quan trọng: không phải vật chất mà ý thức là nhân tố sáng tạo ra ý nghĩa chân chính của

mọi tồn tại, hiện thực không gì khác hơn là hiện thực sáng tạo. Vai trò của ý thức luôn là sự sáng tạo ra cái mới cho thế giới. Nó sáng tạo ra cái mới ở ngoài nó và cũng sáng tạo ra cái mới ở trong nó. Sự thành bại, cao thấp trong cuộc sống là do mức độ cố gắng của tinh thần. Hệ luận này đã đưa ông vào quan điểm duy tâm, chủ quan; trái ngược quan điểm duy vật của Karl Marx về vấn đề vật chất – ý thức. Chủ nghĩa duy vật biện chứng chứng minh rằng, *bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất*. Chỉ có một thế giới duy nhất, thống nhất là thế giới vật chất. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, có trước và độc lập với ý thức con người. Thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô hạn và vô tận, không được sinh ra và không bị mất đi. Trong thế giới không có gì khác ngoài những quá trình vật chất đang biến đổi và chuyển hóa lẫn nhau, là nguồn gốc, nguyên nhân và kết quả của nhau.

Tính vật chất của thế giới đã được kiểm nghiệm bởi chính cuộc sống hiện thực của con người và nó trở thành cơ sở cho cuộc sống và hoạt động của con người. Con người không thể bằng ý thức mà sản sinh ra các đối tượng vật chất được. Con người chỉ có thể cải biến thế giới vật chất theo những quy luật vốn có của nó.

2.3. Ý nghĩa tư tưởng triết học của Henri Bergson về mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần

Triết học Henri Bergson, mà một trong những vấn đề trọng tâm của nó là tìm

hiểu về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; thể xác - linh hồn; ra đời trong hoàn cảnh lịch sử nước Pháp đầy phức tạp và mâu thuẫn. Châu Âu và nước Pháp đầu thế kỷ XX là thời kỳ chủ nghĩa tư bản, trải qua những biến cố có tính lịch sử trong xã hội; *một mặt*, người phương Tây đang say sưa với sự tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã trở thành nhân tố quan trọng để khắc phục nghèo đói, bệnh tật; thay lao động cơ bắp bằng lao động cơ khí... *mặt khác*, đại chiến thế giới lần thứ nhất, lần thứ hai đã diễn ra, con người lại chứng kiến sự tàn phá, hủy diệt của các thành tựu khoa học - kỹ thuật. Sự thật ấy làm cho “con người thế kỷ XX đã mất lòng tin vào lịch sử của mình” thế kỷ XX đã đến với chiến tranh, thất vọng và bi quan. Con người có thể vui mừng với những thành tựu về sản xuất kinh tế nhưng lại bị kìm kẹp trong các vấn đề chính trị - xã hội luôn thay đổi rất nhanh và mạnh mẽ. Con người với nỗi lo sợ, tuyệt vọng trong dòng chảy của lịch sử là không biết trôi về đâu; đó chính là bi kịch của con người. Do đó, vấn đề vật chất và tinh thần trong tư tưởng của Henri Bergson dưới góc độ *nhận thức luận*, ý thức có sức mạnh thoát khỏi tính trơ ì của vật chất. Con người có sức mạnh tiềm tàng để vượt qua những bi kịch trong xã hội hiện đại. Xây dựng niềm tin về một tương lai tốt đẹp sẽ đến với cuộc sống con người. Với *sức mạnh tinh thần* luôn luôn sáng tạo, luôn luôn phun trào theo hướng đi lên; con người có

đủ sức mạnh và nghị lực để thách thức mọi rào cản từ cuộc sống hiện thực mang lại.

Đây là cách nhìn rất thú vị và táo bạo, và theo George Santayana (2023: 39) “với cách nhìn thú vị và táo bạo, anh ấy (Henri Bergson) có sức thuyết phục mà không cần tranh luận... dường như có một dòng chảy ngầm của lòng nhiệt thành và thậm chí của lòng tiên tri làm sống động những phân tích tinh tế và những tưởng tượng đáng ngạc nhiên của anh ấy”.

Do đó, bên cạnh những hạn chế, triết học Henri Bergson chứa đựng nhiều ý nghĩa xã hội.

Trước hết, triết học Henri Bergson góp phần khắc họa sức mạnh và khả năng tinh thần của con người trong thế giới.

Bởi lẽ, nói tới ý thức thực chất là nói tới con người; nói tới vai trò của ý thức là nói tới vai trò của con người; vì ý thức là ý thức của con người. Sự phát triển của xã hội dù đến trình độ cao hay thấp đều do con người với năng lực sáng tạo ra. Để có những con người phát triển toàn diện với đầy đủ năng lực, phẩm chất nhân văn, đòi hỏi sự phát triển xã hội phải hướng tới các mục tiêu nhân văn, nhân đạo; hướng tới sự gia tăng không ngừng các đặc trưng mang tính người từ thể chất đến tinh thần, nhất là tinh thần sáng tạo.

Sự cọ xát, va chạm trong thực tiễn sinh tồn khiến con người tìm cách gạt tròn những góc cạnh, làm mòn những đối kháng, loại bỏ những mâu thuẫn,

tìm cách để cho ý chí cá nhân hòa hợp với ý muốn xã hội mà vẫn giữ được bản sắc riêng có; những xã hội nhân loại khác nhau sáp nhập với nhau trong một xã hội rộng lớn hơn mà không mất đặc tính và tự do của mình.

Con người có sức mạnh tinh thần tiềm ẩn bên trong cần được khơi gợi để cống hiến cho sự phát triển chung. Vì vậy, các nhà nghiên cứu trong quá trình xây dựng chính sách liên quan đến con người cần phải lưu tâm, chú trọng đến việc phát huy nội lực con người trong quá trình phát triển đất nước.

Hai là, con người muốn ngày càng phát triển tài năng, xã hội ngày càng phát triển thì phải luôn chủ động, phát huy khả năng của mình trong việc tìm tòi, sáng tạo cái mới.

Nhân tố con người chỉ được khai thác và phát huy tối đa khi con người thực sự làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân. Để phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của con người trong mọi hoạt động nhất thiết phải xây dựng và thực hiện một cơ chế thực sự dân chủ trong đời sống xã hội. Thông qua quá trình dân chủ hóa, nguồn lực con người, trí tuệ của toàn dân được huy động và đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

Bên cạnh đó, con người phải thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng, nâng cao năng lực sáng tạo. Sự sáng tạo giúp cho con người chăm chỉ hơn, phát triển bản thân mình nhiều hơn, khai thác được nhiều tiềm năng hơn. Sự

sáng tạo làm cho cuộc sống của con người trở nên văn minh hơn, tiện ích hơn, không chỉ giải quyết được những nhu cầu cần thiết mà còn làm cho cuộc sống thêm thú vị.

Ba là, trong quá trình vận động, phát triển xã hội cần phải tôn trọng yếu tố vật chất kết hợp với tính năng động, sáng tạo của ý thức. Trong quá trình phát triển xã hội, việc phát huy vai trò nhân tố con người, khuyến khích mỗi con người tự đào tạo, tự rèn luyện, tự giáo dục để tạo dựng, để trưởng thành là cần thiết. Bên cạnh đó, điều kiện cơ sở vật chất và việc trang bị cơ sở vật chất là nền tảng để con người có môi trường, cơ hội được thể hiện khả năng của mình.

3. KẾT LUẬN

Triết gia Henri Bergson cho rằng tinh thần không phải là cái gì tiếp nhận thụ động các sự vật bên ngoài. Nó cũng không gán các ý niệm phổ biến cho sự vật ở bên ngoài (duy ý niệm).

Lý giải mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần bên cạnh sự đề cao vai trò tinh thần (linh hồn) có một sức mạnh lấn nhập vào vật chất, bắt nó mưu lợi cho mình cho thấy ông có những quan điểm trái ngược với quan điểm duy vật mácxít về những vấn đề cơ bản của triết học. Tuy nhiên, giá trị lịch sử trong quan điểm của Bergson chính là ông thấy được sức mạnh tinh thần tiềm ẩn bên trong con người; cần có những điều kiện vật chất để khơi gợi, kích thích sức mạnh tinh thần để huy động sức mạnh con người trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế, xã

hội. “Tuy triết học hiện đại phương Tây thay thế triết học cận đại là sự biến đổi quan trọng về phương thức tư duy triết học, đánh dấu triết học phương Tây đã phát triển đến một giai đoạn mới cao hơn, song nó cũng chứa đựng khuyết điểm và mâu thuẫn nghiêm trọng y như triết học cận đại [...] Để thoát khỏi cục diện ấy phải xét lại, phê phán, vượt qua các trường phái và lý luận trước đó, xây dựng

một lý luận triết học mới [...] Sự xuất hiện chủ nghĩa hậu hiện đại ở mức độ nhất định đã đáp ứng nhu cầu xét lại sự phát triển của triết học phương Tây hiện đại và làm biến đổi nó. Các nhà triết học hậu hiện đại đều vạch ra và phê phán các khuyết điểm, mâu thuẫn trong lý luận của các nhà triết học phương Tây hiện đại, kể từ Nietzsche trở đi” (Lưu Phóng Đồng, 2004: 915-916). □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bergson, Henri. 1896. *Vật chất và ký ức* (Cao Văn Luận dịch, Phạm Anh Tuấn hiệu chú), (2021). Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm.
2. Bergson, Henri. 1919. *Năng lực tinh thần* (Cao Văn Luận dịch), (2021). Hà Nội: Nxb. Thế giới.
3. Hussenot, Anthony. 2022. *A Modus Vivendi between Movement and Materiality: Henri Bergson and the Matter of Organization*, Dans *M@n@gement* 2022/1 (Vol. 25), pages 79 à 84 Éditions AIMS.
4. Lưu Phóng Đồng. 2004. *Giáo trình hướng tới thế kỷ XXI - Triết học phương Tây hiện đại* (Lê Khánh Trường dịch). Hà Nội: Nxb. Lý luận Chính trị.
5. Melvil, J.K. 1997. *Các con đường của triết học phương Tây hiện đại* (Đinh Ngọc Thạch, Phạm Đình Nghiệm biên dịch). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
6. Santayana, George. 2023. *Winds of Doctrine Studies in Contemporary Opinion*; Published David E Spiech, Martin A. Coleman, Faedra Lazar Weiss, The MIT Press.